

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc lĩnh vực Đường bộ áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 155/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 26/TTr-SGTVT ngày 23 tháng 02 năm 2022 và Công văn số 315/SGTVT-VP ngày 28 tháng 02 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc lĩnh vực đường bộ áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum (Có Danh mục thủ tục hành chính kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế các thủ tục hành chính từ số 7 đến 15, số 48, số 51 và số 55 tại khoản II, Phần I, Danh mục thủ tục hành chính kèm theo Quyết định số 213/QĐ-UBND ngày ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa ngành Giao thông vận tải áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Thủ trưởng các sở, ban ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Giao thông vận tải (để báo cáo);
- Cục Kiểm soát TTHC, VPCP (để báo cáo);
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Viễn thông Kon Tum;
- Lưu VT, TTHCC.LTLH.

**CHỦ TỊCH****Lê Ngọc Tuấn**

Phụ lục:

Sở Giao thông vận tải

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC
LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 194/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

A. Thủ tục hành chính mới ban hành:

STT	Mã số TTHC	Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
							Trực tiếp	Trực tuyến	BCCI
1	1.010708.000 .00.00.H34	Bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<i>Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính</i>	x	x	x
2	1.010709.000 .00.00.H34	Ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<i>Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ</i>	x	x	x
3	1.010710.000 .00.00.H34	Điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến Việt Nam, Lào và Campuchia	02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<i>Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ</i>	x	x	x

4	1.002861.000 .00.00.H34	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<i>Nghị định 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ</i>	x	x	x
5	1.002859.000 .00.00.H34	Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<i>Nghị định 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ</i>	x	x	x

B. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

STT	Mã Thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
							Trực tiếp	Trực tuyến	Bưu chính công ích
1	1.001577.000 .00.00.H34	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<i>Nghị định 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ</i>	x		
2	1.002286.000 .00.00.H34	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<i>Nghị định 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ</i>	x		

STT	Mã Thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
							Trực tiếp	Trực tuyến	Bưu chính công ích
3	1.002268.000 .00.00.H34	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<i>Nghị định 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ</i>	x	x	x
4	1.002063.000 .00.00.H34	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<i>Nghị định 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ</i>	x		
5	1.002856.000 .00.00.H34	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<i>Nghị định 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ</i>	x	x	x
6	1.002852.000 .00.00.H34	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không.	<i>Nghị định 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ</i>	x	x	x
7	1.001023.000 .00.00.H34	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<i>Nghị định 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ</i>	x	x	x

STT	Mã Thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
							Trực tiếp	Trực tuyến	Bưu chính công ích
8	1.002877.000 .00.00.H34	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Không.	<i>Nghị định 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ</i>	x	x	x
9	1.002869.000 .00.00.H34	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không.	<i>Nghị định 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ</i>	x	x	x
10	2.001921.000 .00.00.H34	Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc đang khai thác thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải	07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-BGTVT ngày 28/12/2018 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải; - Văn bản hợp nhất số 16/VBHN-BGTVT ngày 30/11/2017 của Bộ Giao thông	x	x	x

STT	Mã Thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
							Trực tiếp	Trực tuyến	Bưu chính công ích
						<i>vận tải;</i> - Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT ngày 29/6/2020 của Bộ GTVT - Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ Giao thông vận tải			
11	2.001963.000.00.00.H34	Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc đang khai thác thuộc	Không quá 4 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định (không tính thời gian kiểm tra hiện trường) đối với chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐCP ngày 24/02/2010 của	x	x	x

STT	Mã Thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
							Trực tiếp	Trực tuyến	Bưu chính công ích
		phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải	xây dựng công trình điện từ 35 kV trở xuống có tổng chiều dài nhỏ hơn 01 km xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Trường hợp phải kiểm tra hiện trường thì thời hạn chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công không quá 10 ngày làm việc.			Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ			
12	2.001915.000.00.00.H34	Gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu,	- Thời gian giải quyết: trong 5 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	- <i>Thông tư 13/2020/TT-BGTVT ngày 29/6/2020</i>	x	x	x

STT	Mã Thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
							Trực tiếp	Trực tuyến	Bưu chính công ích
		chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc đang khai thác thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải	kể từ khi nhận được đơn đề nghị gia hạn; - Thời gian gia hạn: chỉ thực hiện việc gia hạn 01 lần với thời gian không quá 12 tháng.	tỉnh		<i>của Bộ GTVT</i> - <i>Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ Giao thông vận tải</i>			